

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2022 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật bổ sung sửa đổi một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 27/6/2023 của Hội đồng nhân dân xã về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2022 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn.

(chi tiết số liệu theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Bộ phận tài chính ngân sách xã và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Uông Thị Kim Yến

Sơn Bằng, ngày 28 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN

Về việc công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2022 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND xã Sơn Bằng về việc công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2022 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn;

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 28/6/2023 tại trụ sở UBND xã Sơn Bằng tiến hành lập biên bản niêm yết công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn, cụ thể như sau:

1. Thành phần bao gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| - Bà Ưông Thị Kim Yến- | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã; |
| - Ông Hồ Trọng Đức - | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND xã; |
| - Bà Nguyễn Thị Tuyết - | Chức vụ: Chủ tịch UBMT xã; |
| - Bà Nguyễn Thị Mai - | Chức vụ: CC tài chính - Kế toán; |
| - Bà Nguyễn Thị Thúy - | Chức vụ: CC tài chính - Kế toán; |
| - Bà Phạm Thị Hải Quý - | Chức vụ CC Văn phòng TK; |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Nét - | Chức vụ: CC Tư pháp - Hộ tịch. |

2. Nội dung:

2.1. Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách và hoạt động tài chính khác năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn (Chi tiết biểu liệt kê kèm biên bản)

2.2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và các trường thôn.


2.3. Thời gian công khai: Từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/7/2023.

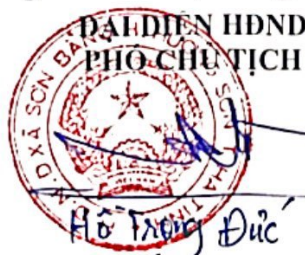
2.4. Địa điểm công khai: Trụ sở UBND xã; Hội quán các thôn; Công thông tin điện tử xã.

2.5. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Buổi làm việc kết thúc vào hồi 10 giờ cùng ngày, các thành phần tham gia được thông qua và cùng thống nhất các nội dung./.

LẬP BIÊN BẢN


Phạm Thị Hải Quý



Ưông Thị Kim Yến



UBND Xã Sơn Bằng

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	17.843.858.405	Tổng số chi	17.842.748.952
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	119.933.000	I. Chi đầu tư phát triển	11.118.475.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.866.234.606	II. Chi thường xuyên	6.411.170.502
III. Thu bổ sung	15.850.180.200	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	313.103.450
- Bổ sung cân đối	4.281.159.700	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	11.569.020.500		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	7.510.599		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách	1.109.453		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Sơn Bằng

Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7.397.992.000	5.904.692.000	19.710.319.973	17.843.858.405	266,43	302,20
I	Các khoản thu 100%	140.000.000	140.000.000	119.933.000	119.933.000	85,67	85,67
1	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	14.360.000	14.360.000	47,87	47,87
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85.000.000	85.000.000	97.273.000	97.273.000	114,44	114,44
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4.300.000	4.300.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	25.000.000	25.000.000	4.000.000	4.000.000	16,00	16,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.867.800.000	1.374.500.000	3.732.696.174	1.866.234.606	130,16	135,78
1	Các khoản thu phân chia	72.000.000	58.000.000	174.604.747	140.505.398	242,51	242,25
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	108.000	108.000	5,40	5,40
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			4.000.000	4.000.000		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	56.000.000	170.496.747	136.397.398	243,57	243,57
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.795.800.000	1.316.500.000	3.558.091.427	1.725.729.208	127,27	131,08
	Thu khác ngân sách			17.956.662	3.733.167		
2.1	Thu tiền sử dụng đất	2.498.800.000	1.249.400.000	3.330.278.100	1.665.139.050	133,28	133,28
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	2.000.000	600.000	1.470.529	441.159	73,53	73,53
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	250.000.000	55.000.000	125.579.507	39.854.506	50,23	72,46
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000.000	11.500.000	82.806.629	16.561.326	184,01	144,01
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			7.510.599	7.510.599		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.390.192.000	4.390.192.000	15.850.180.200	15.850.180.200	361,04	361,04
1	Thu bổ sung cân đối	4.390.192.000	4.390.192.000	4.281.159.700	4.281.159.700	97,52	97,52
2	Thu bổ sung có mục tiêu			11.569.020.500	11.569.020.500		





UBND Xã: Sơn Hoàng

Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SỐ SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.904.692.000	1.250.000.000	4.654.692.000	17.842.748.952	11.118.475.000	6.724.273.952	302,18	889,48	144,46
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	430.000.000	420.000.000	10.000.000	7.209.319.000	7.209.319.000		1.676,59	1.716,50	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	35.820.000		35.820.000	197.374.000	197.374.000		551,02		
4	Chi văn hóa, thông tin	43.000.000		43.000.000	25.000.000		25.000.000	58,14		58,14
5	Chi phát thanh, truyền thanh	20.000.000		20.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	39.000.000		39.000.000	94.257.400		94.257.400	241,69		241,69
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	72.300.000		72.300.000	241,00		241,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	45.000.000		45.000.000	3.801.866.600	3.340.472.000	461.394.600	8.448,59		1.025,32
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.903.364.200	830.000.000	4.073.364.200	5.464.485.502	371.310.000	5.093.175.502	111,44	44,74	125,04
10	Chi cho công tác xã hội	237.436.800		237.436.800	283.562.000		283.562.000	119,43		119,43
11	Chi khác				381.481.000		381.481.000			
12	Dự phòng	121.071.000		121.071.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				313.103.450		313.103.450			



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	799.000.000	790.000.000	9.000.000	777.331.452	722.035.568	55.295.884
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	247.000.000	238.000.000	9.000.000	237.517.146	218.301.368	19.215.778
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	49.000.000	45.000.000	4.000.000	47.420.070	44.782.368	2.637.702
- Quỹ bảo trợ trẻ em	25.000.000	20.000.000	5.000.000	24.266.265	15.000.000	9.266.265
- Quỹ phòng chống thiên tai	13.000.000	13.000.000	0	11.803.000	8.499.000	3.304.000
- NHÀ BIA LIỆT SỸ	160.000.000	160.000.000	0	154.027.811	150.020.000	4.007.811
2. Chi hộ	552.000.000	552.000.000	0	539.814.306	503.734.200	36.080.106
- NGÔI NHÀ TRÍ TUỆ	25.000.000	25.000.000	0	23.250.000	23.203.200	46.800
- BẾN PHƯỢNG, CÔNG CHÀO	420.000.000	420.000.000	0	410.034.500	394.350.000	15.684.500
- Quỹ Vì người nghèo	30.000.000	30.000.000	0	30.000.000	10.000.000	20.000.000
- Quỹ hoạt động Đền Phúc Lai	1.500.000	1.500.000	0	1.255.000	1.200.000	55.000
- THỦ LAO BHYT	500.000	500.000	0	429.806	136.000	293.806
- Mua TIVI	32.000.000	32.000.000	0	32.000.000	32.000.000	0
- Tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH không thuộc hộ nghèo	43.000.000	43.000.000	0	42.845.000	42.845.000	0